

Đề trắc nghiệm Địa lý Lớp 12 - Bản đồ và các phương pháp biểu hiện trên bản đồ

Câu 1 Vị trí địa lí nước ta nằm ở:

- A. rìa phía đông bán đảo Đông Dương, gần trung tâm Đông Nam Á.
- B. trung tâm châu Á.
- C. phía tây bán đảo Đông Dương.
- D. phía nam châu Đại Dương.

Câu 2 Điểm cực Bắc nước ta thuộc tỉnh nào?

- A. Hà Giang.
- B. Cà Mau.
- C. Điện Biên.
- D. Khánh Hòa.

Câu 3 Điểm cực Nam nước ta thuộc:

- A. xã Đất Mũi, Ngọc Hiển, Cà Mau.
- B. xã Lũng Cú, Đồng Văn, Hà Giang.
- C. xã Sín Thầu, Mường Nhé, Điện Biên.
- D. xã Vạn Thạnh, Vạn Ninh, Khánh Hòa.

Câu 4 Điểm cực Tây nước ta thuộc tỉnh:

- A. Điện Biên.
- B. Hà Giang.
- C. Khánh Hòa.
- D. Cà Mau.

Câu 5 Điểm cực Đông nước ta thuộc tỉnh:

A. Khánh Hòa.

B. Cà Mau.

C. Hà Giang.

D. Điện Biên.

Câu 6 Vĩ độ điểm cực Bắc nước ta là:

A. $23^{\circ}23'B$.

B. $8^{\circ}34'B$.

C. $102^{\circ}09'D$.

D. $109^{\circ}24'D$.

Câu 7 Kinh độ điểm cực Đông nước ta là:

A. $109^{\circ}24'D$.

B. $102^{\circ}09'D$.

C. $23^{\circ}23'B$.

D. $8^{\circ}34'B$.

Câu 8 Lãnh thổ Việt Nam gồm các bộ phận nào?

A. Vùng đất, vùng biển, vùng trời.

B. Vùng đất, vùng núi, vùng biển.

C. Vùng biển, vùng trời, vùng đồng bằng.

D. Vùng đất, vùng trời, vùng đảo.

Câu 9 Vùng đất Việt Nam có diện tích khoảng:

A. 331.212 km^2 .

B. 330.991 km^2 .

C. 329.247 km^2 .

D. 331.690 km^2 .

Câu 10 Đường bờ biển nước ta dài khoảng:

A. 3260 km.

B. 2360 km.

C. 3620 km.

D. 4600 km.

Câu 11 Đường biên giới trên đất liền nước ta dài khoảng:

A. hơn 4600 km.

B. hơn 3260 km.

C. hơn 2600 km.

D. hơn 5600 km.

Câu 12 Vùng biển nước ta gồm:

A. nội thủy, lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, thềm lục địa.

B. nội thủy, lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế.

C. lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng trời.

D. nội thủy, thềm lục địa, vùng trời.

Câu 13 Vùng nước tiếp giáp với đất liền, ở phía trong đường cơ sở là:

A. nội thủy.

B. lãnh hải.

C. vùng tiếp giáp lãnh hải.

D. vùng đặc quyền kinh tế.

Câu 14 Vùng biển thuộc chủ quyền quốc gia trên biển, rộng 12 hải lí tính từ đường cơ sở là:

- A. lãnh hải.
- B. nội thủy.
- C. vùng tiếp giáp lãnh hải.
- D. thêm lục địa.

Câu 15 Vùng đặc quyền kinh tế nước ta rộng 200 hải lí tính từ:

- A. đường cơ sở.
- B. đường biên giới.
- C. lãnh hải.
- D. nội thủy.

Câu 16 Ý nghĩa quan trọng của vị trí địa lí nước ta về tự nhiên là:

- A. quy định thiên nhiên mang tính nhiệt đới ẩm gió mùa.
- B. làm cho thiên nhiên mang tính ôn đới.
- C. làm cho thiên nhiên mang tính cận cực.
- D. làm cho thiên nhiên mang tính khô hạn.

Câu 17 Vị trí địa lí nước ta nằm trong khu vực:

- A. nội chí tuyến bán cầu Bắc.
- B. ngoại chí tuyến bán cầu Bắc.
- C. vòng cực Bắc.
- D. xích đạo.

Câu 18 Nước ta có vị trí cầu nối giữa:

- A. Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á hải đảo.
- B. châu Á và châu Âu.
- C. châu Phi và châu Á.
- D. châu Mỹ và châu Á.

Câu 19 Vị trí địa lí nước ta có ảnh hưởng lớn đến:

- A. an ninh quốc phòng và giao thông vận tải.
- B. chỉ nông nghiệp.
- C. chỉ công nghiệp.
- D. chỉ du lịch.

Câu 20 Nước ta có chung đường biên giới trên đất liền với:

- A. Trung Quốc, Lào, Campuchia.
- B. Trung Quốc, Thái Lan, Lào.
- C. Lào, Campuchia, Thái Lan.
- D. Trung Quốc, Campuchia, Thái Lan.

Câu 21 Biểu hiện rõ nhất của khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta là:

- A. nhiệt độ cao, độ ẩm lớn, mưa nhiều và có hai mùa gió.
- B. nhiệt độ thấp, độ ẩm nhỏ.
- C. mưa quanh năm, không có gió mùa.
- D. khô hạn quanh năm.

Câu 22 Gió mùa Đông Bắc hoạt động ở nước ta vào:

- A. mùa đông.
- B. mùa hạ.
- C. mùa thu.
- D. quanh năm.

Câu 23 Gió mùa Đông Bắc ở miền Bắc nước ta có đặc điểm:

- A. lạnh, khô vào đầu mùa, lạnh ẩm vào cuối mùa.
- B. nóng ẩm.
- C. khô nóng.
- D. mát mẻ quanh năm.

Câu 24 Gió mùa Tây Nam ở nước ta vào mùa hạ có nguồn gốc từ:

- A. áp cao Bắc Ấn Độ Dương và áp cao cận chí tuyến Nam bán cầu.
- B. áp cao Xibia.
- C. áp cao Hawaii.
- D. áp cao Azores.

Câu 25 Gió Tín phong ở nước ta thổi theo hướng:

- A. đông bắc.
- B. tây nam.
- C. đông nam.
- D. tây bắc.

Câu 26 Nguyên nhân chính làm cho khí hậu nước ta có độ ẩm cao là:

A. nằm gần biển, gió mùa hoạt động mạnh.

B. nằm sâu trong lục địa.

C. có nhiều núi cao.

D. có dòng biển lạnh.

Câu 27 Địa hình nước ta bị xâm thực mạnh ở vùng đồi núi do:

A. mưa nhiều, độ dốc lớn, lớp phủ thực vật bị phá.

B. khô hạn.

C. lạnh giá.

D. ít mưa.

Câu 28 Quá trình feralit diễn ra mạnh ở:

A. vùng đồi núi thấp, nhiệt đới ẩm.

B. vùng núi cao.

C. vùng ven biển.

D. vùng đồng bằng.

Câu 29 Đất feralit có màu đỏ vàng là do:

A. tích tụ ôxit sắt và ôxit nhôm.

B. tích tụ canxi.

C. tích tụ mùn.

D. tích tụ phù sa.

Câu 30 Sông ngòi nước ta có đặc điểm:

- A. nhiều nước, giàu phù sa, chế độ nước theo mùa.
- B. ít nước, ít phù sa.
- C. nước quanh năm.
- D. chỉ có mùa khô.

Câu 31 Mùa lũ của sông ngòi nước ta thường:

- A. trùng với mùa mưa.
- B. trùng với mùa khô.
- C. không theo mùa.
- D. vào mùa đông.

Câu 32 Sinh vật nước ta phong phú vì:

- A. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.
- B. khí hậu ôn đới.
- C. đất mặn.
- D. địa hình bằng phẳng.

Câu 33 Ảnh hưởng tiêu cực của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa là:

- A. thiên tai, sâu bệnh, thời tiết thất thường.
- B. nông nghiệp phát triển.
- C. cây trồng đa dạng.
- D. đất đai màu mỡ.

Câu 34 Thuận lợi của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đối với nông nghiệp là:

- A. phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, đa dạng cây trồng.
- B. chỉ trồng cây ôn đới.
- C. không trồng được cây gì.
- D. đất bạc màu.

Câu 35 Gió mùa Tây Nam gây mưa lớn cho:

- A. Nam Bộ và Tây Nguyên.
- B. Bắc Bộ.
- C. Tây Bắc.
- D. Đông Bắc.

Câu 36 Công thức tính nhiệt độ trung bình ngày là:

- A. $T = (t_1 + t_2 + \dots + t_n)/n$.
- B. $T = t_1 + t_2 + \dots + t_n$.
- C. $T = (t_1 - t_2)/n$.
- D. $T = t_1 \times n$.

Câu 37 Nhiệt độ trung bình tháng được tính bằng:

- A. trung bình cộng nhiệt độ các ngày trong tháng.
- B. nhiệt độ cao nhất trong tháng.
- C. nhiệt độ thấp nhất trong tháng.
- D. tổng nhiệt độ các tháng.

Câu 38 Nhiệt độ trung bình năm được tính bằng:

- A. trung bình cộng nhiệt độ 12 tháng.
- B. nhiệt độ tháng cao nhất.
- C. nhiệt độ tháng thấp nhất.
- D. trung bình cộng nhiệt độ 4 mùa.

Câu 39 Biên độ nhiệt độ được tính bằng:

- A. nhiệt độ cao nhất trừ nhiệt độ thấp nhất.
- B. nhiệt độ cao nhất cộng nhiệt độ thấp nhất.
- C. trung bình cộng nhiệt độ.
- D. nhiệt độ thấp nhất chia nhiệt độ cao nhất.

Câu 40 Khi lên cao 1000 m, nhiệt độ không khí giảm trung bình:

- A. 6°C .
- B. $0,6^{\circ}\text{C}$.
- C. 10°C .
- D. 1°C .

Câu 41 Công thức tính nhiệt độ tại độ cao h (m) khi biết nhiệt độ tại chân núi T_0 là:

- A. $T = T_0 - 0,6 \times h/100$.
- B. $T = T_0 + 0,6 \times h/100$.
- C. $T = T_0 - 6 \times h$.
- D. $T = T_0 + 6 \times h$.

Câu 42 Tại chân núi nhiệt độ 25°C , lên cao 1000 m nhiệt độ khoảng:

A. 19°C .

B. 25°C .

C. 31°C .

D. 15°C .

Câu 43 Tại chân núi nhiệt độ 30°C , lên cao 500 m nhiệt độ khoảng:

A. 27°C .

B. 33°C .

C. 24°C .

D. 30°C .

Câu 44 Tại chân núi nhiệt độ 20°C , lên cao 2000 m nhiệt độ khoảng:

A. 8°C .

B. 32°C .

C. 12°C .

D. 20°C .

Câu 45 Nếu nhiệt độ đo được lúc 1h, 7h, 13h, 19h lần lượt là 20°C , 22°C , 30°C , 24°C thì nhiệt độ trung bình ngày là:

A. 24°C .

B. 22°C .

C. 26°C .

D. 30°C .

Câu 46 Nhiệt độ trung bình năm của một địa điểm có nhiệt độ 12 tháng đều là 25°C là:

A. 25°C .

B. 12°C .

C. 300°C .

D. 30°C .

Câu 47 Nhiệt độ cao nhất trong ngày là 32°C , thấp nhất là 20°C . Biên độ nhiệt ngày là:

A. 12°C .

B. 52°C .

C. $1,6^{\circ}\text{C}$.

D. 20°C .

Câu 48 Vị trí địa lí nước ta ảnh hưởng đến khí hậu chủ yếu làm cho:

A. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa.

B. khí hậu ôn hòa.

C. khí hậu khô nóng.

D. khí hậu lạnh giá.

Câu 49 Nguyên nhân gây mưa lớn ở miền Trung vào thu đông là do:

A. gió mùa Đông Bắc kết hợp với địa hình dãy Trường Sơn.

B. gió mùa Tây Nam.

C. Tín phong.

D. áp cao Xibia.

Câu 50 Đặc điểm nào sau đây không đúng với vị trí địa lí nước ta?

A. Nằm ở trung tâm châu Á.

B. Nằm ở rìa đông bán đảo Đông Dương.

C. Gần trung tâm Đông Nam Á.

D. Nằm trong vùng nội chí tuyến.

Muốn tự tạo bài trắc nghiệm như thế này?



Quét QR hoặc truy cập: **diemdanh.app/tao-bai-trac-nghiem**

diemdanh.app